TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2023/HSST
Ngày 29-11-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Long

Bà Đàm Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 212/2023/TLST-HS ngày 24/10/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐXXST-HS ngày 30/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HS ngày 15/11/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M - Giới tính: Nữ; sinh năm: 1942 *(tính đến khi phạm tội là 80 tuổi 09 tháng 25 ngày)* tại: Hà Nội; chỗ ở: Thôn S, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Văn C (c) và con bà: Phạm Thị D (c); chồng: Nguyễn Văn C1 (c); có 01 con sinh năm 1974; TATS: Theo lý lịch cá nhân thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có đơn xin vắng mặt.

**** Bị hại:***

1. Chị Vũ Tuyết L, sinh năm 1993; trú tại: Đường N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

2. Chị Mai Thị Minh T, sinh năm 1991; trú tại: Tổ A, phường D, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

3. Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1972; trú tại: Đường H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

4. Chị Dương Ngọc T, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố L, phường D, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt;

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1974; có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn S, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M có mảnh đất tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 04, diện tích 195m^2, địa chỉ: thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội. Năm 2011, Nguyễn Thị M tặng cho con trai là ông Nguyễn Văn M1 và vợ là bà Nguyễn Thị H1 toàn bộ diện tích đất trên. Do cần tiền kinh doanh, ông M1 vay nợ cá nhân nên đã ký hợp đồng chuyển nhượng 195m^2 đất tại thôn S, xã L, huyện G cho người khác. Ngày 03/11/2021, Tòa án nhân dân huyện G xét xử vụ án tranh chấp dân sự theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M1 về "Yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DSST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của ông M1 khởi kiện hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội. Ông Nguyễn Văn M1 kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 242/2022/DS-PT ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên không chấp nhận kháng cáo của ông M1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong quá trình chuyển nhượng, mảnh đất trên được tách thành 04 thửa như sau: Vợ chồng chị Vũ Tuyết L, sinh năm 1993 - anh Lê Quang P, sinh năm 1991, cùng trú tại: Đường N, quận L, Hà Nội là chủ sử dụng đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 86, diện tích 43m^2, địa chỉ: thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2022); vợ chồng anh Trần Quang H2, sinh năm 1991 - chị Mai Thị Minh T, sinh năm 1991, cùng trú tại: Tổ A, phường D, quận L, Hà Nội là chủ sử dụng đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 186, diện tích 41,9m^2, địa chỉ: thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 13/10/2022); vợ chồng anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1972 - chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1974, cùng trú tại: Đường H, thị trấn Y, huyện G, Hà Nội là chủ sử dụng đất tại thửa đất số 84(1), tờ bản đồ số 04, diện tích 54,9m^2, địa chỉ: thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 22/9/2022); vợ chồng anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1983 - chị Dương Ngọc T, sinh năm 1984, cùng trú tại: Phố C, phường C, quận H, Hà Nội là chủ sử dụng đất tại thửa đất số 84(2), tờ bản đồ số 04, diện tích 54,6m^2, địa chỉ: thôn S, xã L, huyện G, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 22/9/2022).

Ngày 16/10/2022, chị Vũ Tuyết L, chị Mai Thị Minh T, anh Đoàn Hồng H và chị Dương Ngọc T có đơn gửi UBND xã L, huyện G, Hà Nội xin phép xây dựng tường bao quanh 04 thửa đất và được UBND xã L đồng ý. Sau đó, chị Mai Thị Minh T, anh Đoàn Hồng H và chị Dương Ngọc T thống nhất giao cho chị Vũ Tuyết L mua nguyên vật liệu, thuê thợ để xây tường. Ngày 27/10/2022, chị Vũ Tuyết L mua nguyên vật liệu và thuê thợ xây dựng tường bao xung quanh 04 thửa đất với chi phí tiền mua nguyên vật liệu là 3.575.000 đồng và thuê công thợ là 3.000.000 đồng, tổng chi phí hết 6.575.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì hoàn thiện xong 03 bức tường có chiều cao 1,5m bao quanh mặt ngoài thửa đất bằng gạch chỉ đỏ và xi măng cát 110mm: Bức tường thứ nhất dài khoảng 4,3m, bức tường thứ hai dài khoảng 3,5m, bức tường thứ ba dài khoảng 1,5m. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, chị L quay lại kiểm tra thì phát hiện Nguyễn Thị M đang đập vỡ các bức tường mới xây. Chị L hỏi lý do M đập tường của chị L thì M nói: Đây là đất của M và tiếp tục đập tường đến khi gãy búa. Đến ngày 28/10/2022, chị L làm đơn trình báo Công an xã L.

Ngày 23/11/2022, chị Mai Thị Minh T, anh Đoàn Hồng H và chị Dương Ngọc T tiếp tục nhờ chị L làm hàng rào bằng tôn xung quanh mặt trước 04 thửa đất. Chị Vũ Tuyết L thuê thợ làm hàng rào bằng 04 đoạn tôn cao 1,5m: Đoạn thứ nhất dài 3,3m, đoạn thứ hai dài 3,4m, đoạn thứ ba dài 4,3m, đoạn thứ tư dài 1,6m với chi phí 6.200.000 đồng. Trong các ngày 26, 28, 29/11/2022, Nguyễn Thị M có hành vi dùng búa rìu đập vào hàng rào tôn của chị L. Đến ngày 28/11/2022, chị L tiếp tục có đơn trình báo đến Cơ quan Công an về hành vi trên của Nguyễn Thị M. Chị L có giao nộp 01 USB Kingston màu bạc, dung lượng 4GB bên trong có chứa các đoạn video ghi lại hành vi đập phá của Nguyễn Thị M; 01 USB hãng TOSHIBA bộ nhớ 32GB màu bạc, tình trạng vẫn hoạt động bình thường, đã được niêm phong.

Tại Kết luận định giá tài sản số 188/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: 01 đoạn tường được xây bằng gạch chỉ đỏ xi măng cát, không chát có kích thước: dài 3,43m, cao khoảng 1,4m, tường đơn 110mm, được xây dựng mới ngày 27/10/2022 có giá trị: 2.780.000 đồng; 01 đoạn tường được xây bằng gạch chỉ đỏ xi măng cát, không chát có kích thước dài 4,3m, cao khoảng 1,4m, tường đơn 110mm, được xây dựng mới ngày 27/10/2022 có giá trị: 3.486.000 đồng; 01 đoạn tường được xây bằng gạch chỉ đỏ xi

măng cát, không chát có kích thước dài 1,65m, cao khoảng 1,4m, tường đơn 110mm, được xây dựng mới ngày 27/10/2022 có giá trị: 1.338.000 đồng. Tổng giá trị 03 đoạn tường là 7.604.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 18/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: 01 đoạn hàng rào tôn được dựng mới ngày 23/11/2022, có kích thước (3,3 x 1,7)m bị rách thủng có giá trị 504.900 đồng; 01 đoạn hàng rào tôn được dựng mới ngày 23/11/2022, có kích thước (3,45 x 1,46)m bị rách thủng có giá trị 453.330 đồng; 01 đoạn hàng rào tôn được dựng mới ngày 23/11/2022, có kích thước (4,35x1,46)m bị rách thủng, có giá trị 571.590 đồng; 01 đoạn hàng rào tôn được dựng mới ngày 23/11/2022, có kích thước (1,63 x 1,45)m bị rách thủng, có giá trị 212.715 đồng. Tổng giá trị 04 đoạn hàng rào tôn là 1.742.535 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1733/KL-KTHS ngày 21/6/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video gửi giám định.

* Tại bản cáo trạng số: 212/CT-VKSGL ngày 23/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội: "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Trong suốt quá trình từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và khởi tố, điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thị M không có mặt theo giấy triệu tập, không khai báo, không hợp tác làm việc, không nhận các quyết định tố tụng. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện G và Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã phối hợp với chính quyền địa phương xã L triệu tập hợp lệ, thông báo, tống đạt và niêm yết công khai các quyết định tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm i, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M: từ 10 - 15 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho UBND xã L, huyện G, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

- Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Do bị cáo là người trên 70 tuổi và không có thu thập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Các biện pháp tư pháp: Không.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự: Lưu giữ hồ sơ: 01 USB Kingston màu bạc, dung lượng 4GB bên trong có chứa các đoạn video ghi lại hành vi đập phá của Nguyễn Thị M; 01 USB hãng TOSHIBA bộ nhớ 32GB màu bạc, tình trạng vẫn hoạt động bình thường, đã được niêm phong.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Trong suốt quá trình từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và khởi tố, điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thị M không có mặt theo giấy triệu tập, không khai báo, không hợp tác làm việc, không nhận các quyết định tố tụng. Tuy nhiên, căn cứ vào đơn trình báo, lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, biên bản nhận dạng, hình ảnh, video từ camera thu giữ, bản Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 27/10/2022, tại thôn S, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị M có hành vi dùng búa đập làm đổ 03 đoạn tường được xây bằng gạch chỉ đỏ xi măng cát, không trát, được xây dựng mới ngày 27/10/2022: Đoạn thứ nhất có kích thước dài 3,43m, cao khoảng 1,4m, tường đơn 110mm, có giá trị: 2.780.000 đồng; đoạn thứ hai có kích thước dài 4,3m, cao khoảng 1,4m, tường đơn 110mm có giá trị: 3.486.000 đồng; đoạn thứ ba có kích thước dài 1,65m, cao khoảng 1,4m, tường đơn 110mm, được xây dựng mới ngày 27/10/2022 có giá trị: 1.338.000 đồng. Tổng giá trị 03 đoạn tường là 7.604.000 đồng của chị Vũ Tuyết L, chị Mai Thị Minh T, anh Đoàn Hồng H và chị Dương Ngọc T.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị M đã có đủ yếu tố cấu thành tội: "Hủy hoại tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Nhân thân của bị cáo chưa có tiền án - tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo hủy hoại có giá trị không lớn; bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về áp dụng hình phạt:

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy đáng ra cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo và chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9]. Các bị hại có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy bị cáo là người già và là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11]. Thu giữ 01 USB Kingston màu bạc, dung lượng 4GB bên trong có chứa các đoạn video ghi lại hành vi đập phá của Nguyễn Thị M; 01 USB hãng TOSHIBA bộ nhớ 32GB màu bạc, tình trạng vẫn hoạt động bình thường, đã được

niêm phong là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cho lưu hồ sơ là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[12]. Đối với hành vi hủy hoại 04 đoạn hàng rào bằng tôn của Nguyễn Thị M vào các ngày 26, 28, 29/11/2022 có giá trị tài sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 05/10/2023, Công an huyện G đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Nguyễn Thị M về hành vi: Hủy hoại tài sản của người khác theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là đúng pháp luật.

- Về án phí:

[13]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[14]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm h, i, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 06 *(Sáu)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: Hủy hoại tài sản. Thời gian thử thách là 12 *(Mười hai)* tháng, tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho UBND xã L, huyện G, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời

gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự: Cho lưu giữ hồ sơ: 01 USB Kingston màu bạc, dung lượng 4GB bên trong có chứa các đoạn video ghi lại hành vi đập phá của Nguyễn Thị M; 01 USB hãng TOSHIBA bộ nhớ 32GB màu bạc, tình trạng vẫn hoạt động bình thường, đã được niêm phong.

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị M được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án. Ông M1 có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS nhân dân huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã L, huyện G, thành phố Hà Nội (Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng